

TRUNG TÂM GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI CHẤP THUẬN ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG PHÚ

(Giấy chứng nhận ĐKKD số 0403000313 do Sở KHĐT tỉnh Hải Dương cấp. Đăng ký lần đầu ngày 09 tháng 08 năm 2005; Đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 20 tháng 06 năm 2007

ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CỔ PHIẾU TRÊN TRUNG TÂM GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

(Giấy đăng ký giao dịch số .../ĐKGD do ... cấp ngày ... tháng ... năm 200...)

Bản công bố thông tin này và các tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp tại:

TỔ CHỨC CAM KẾT BẢO TRỢ

CÔNG TY CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM



- Trụ sở chính: Tầng 10, VINCOM A, 191 Bà Triệu, Q. Hai Bà Trưng, Hà Nội
- Điện thoại : (84.4) 22200 673 Fax: (84.4) 22200 669
- Chi nhánh : Lầu 9, 146 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
- Điện thoại : (84.8) 9 142 956 Fax: (84.8) 8 218 510

TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG PHÚ



Trụ sở chính : Lô A2 - KCN Phúc Điền – Cẩm Giàng – Hải Dương
Điện thoại : 04 39878258/66 – Fax: 04 39878256
Website : truongphucables.vn – Email: truongphucables@vnn.vn

PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN

Ông : Lê Thanh Sơn
Địa chỉ : 84 Lạc Trung, Hà Nội.
Điện thoại : 04 39878258 Fax: 04 39878256

CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG PHÚ

(Giấy chứng nhận ĐKKD số 0403000313 do Sở KHĐT tỉnh Hải Dương cấp. Đăng ký lần đầu ngày 09 tháng 08 năm 2005; Đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 20 tháng 06 năm 2007

ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CỔ PHIẾU TRÊN TRUNG TÂM GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Tên cổ phiếu : Cổ phiếu Công ty cổ phần Trường Phú
Loại cổ phiếu : Cổ phiếu phổ thông
Mệnh giá : 10.000 đồng
Tổng số lượng đăng ký giao dịch : 10.000.000 (Mười triệu cổ phiếu)
Tổng giá trị đăng ký giao dịch (theo mệnh giá) : Một trăm tỷ đồng.

TỔ CHỨC CAM KẾT HỖ TRỢ

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Việt Nam

Trụ sở chính : Tầng 10, VINCOM A, 191 Bà Triệu, Q. Hai Bà Trưng, Hà Nội
Điện thoại : (04) 22 200 672 Fax: (04) 22 200 669
Chi nhánh : Lầu 9, 146 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Điện thoại : (08) 39 142 956 Fax: (08) 38 218 510

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn tài chính kế toán và kiểm toán Phía Nam (AASCs)

Trụ sở chính : 29 Võ Thị Sáu, Quận 1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại : 08.38205944 Fax: 08.38205942

MỤC LỤC

PHẦN I – CÁC NHÂN TỐ RỦI RO	1
1. RỦI RO VỀ KINH TẾ.....	1
2. RỦI RO VỀ LUẬT PHÁP.....	2
3. RỦI RO ĐẶC THÙ.....	2
4. RỦI RO KHÁC.....	2
PHẦN II - NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN.....	3
1. TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH	3
2. TỔ CHỨC CAM KẾT HỖ TRỢ	3
PHẦN III – CÁC KHÁI NIỆM.....	4
PHẦN IV – TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH	5
1. TÓM TẮT QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN	5
2. CƠ CẤU TỔ CHỨC CÔNG TY.....	8
3. DANH SÁCH CỔ ĐÔNG NẪM GIỮ TỪ TRÊN 5% VỐN CỔ PHẦN CỦA CÔNG TY; DANH SÁCH CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP VÀ TỈ LỆ CỔ PHẦN NẪM GIỮ, CƠ CẤU CỔ ĐÔNG	10
4. DANH SÁCH NHỮNG CÔNG TY MẸ VÀ CÔNG TY CON CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH, NHỮNG CÔNG TY MÀ TỔ CHỨC PHÁT HÀNH ĐANG NẪM GIỮ QUYỀN KIỂM SOÁT HOẶC CỔ PHẦN CHI PHỐI, NHỮNG CÔNG TY NẪM QUYỀN KIỂM SOÁT HOẶC CỔ PHẦN CHI PHỐI ĐỐI VỚI TỔ CHỨC PHÁT HÀNH	11
5. HOẠT ĐỘNG KINH DOANH.....	12
6. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	17
7. VỊ THẾ CỦA CÔNG TY SO VỚI CÁC DOANH NGHIỆP KHÁC TRONG CÙNG NGÀNH.....	20
8. CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG	23
9. CHÍNH SÁCH CỔ TỨC	24
10. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH.....	24
11. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, BAN GIÁM ĐỐC	28
12. TÀI SẢN.....	37
13. KẾ HOẠCH LỢI NHUẬN VÀ CỔ TỨC CÁC NĂM TIẾP THEO.....	37
14. THÔNG TIN VỀ NHỮNG CAM KẾT NHƯNG CHƯA THỰC HIỆN CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH.....	38
15. CÁC THÔNG TIN, CÁC TRANH CHẤP KIẾN TỤNG LIÊN QUAN TỚI CÔNG TY MÀ CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN GIÁ CẢ CHỨNG KHOÁN CHÀO BÁN (KHÔNG CÓ)	38
PHẦN V. CHỨNG KHOÁN ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH	39
PHẦN VI - CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH.....	40
PHẦN VII – PHỤ LỤC.....	41



PHẦN I – CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

Công ty xin lưu ý các nhà đầu tư về các nhân tố rủi ro có thể ảnh hưởng tới kết quả sản xuất kinh doanh của công ty qua đó gián tiếp ảnh hưởng tới giá cổ phiếu do công ty phát hành khi các nhà đầu tư xem xét việc đầu tư vào công ty.

1. RỦI RO VỀ KINH TẾ

Khi nền kinh tế tăng trưởng tốt, lạm phát và thất nghiệp được kiểm soát, thu nhập của người dân tăng lên thì nhu cầu tiêu dùng cũng như kết quả kinh doanh của các doanh nghiệp sẽ tăng trưởng ổn định. Ngược lại, nếu nền kinh tế chậm phát triển, thu nhập của người dân sụt giảm và các doanh nghiệp xuất nhập khẩu kinh doanh khó khăn thì ngành sẽ bị ảnh hưởng ít nhiều. Do đó, sự phát triển của ngành điện, viễn thông nói chung cũng như của Công ty nói riêng phụ thuộc rất lớn và sự tăng trưởng kinh tế của đất nước.

Mục tiêu của Công ty là tập trung mở rộng quy mô, phát triển tiêu thụ tại thị trường miền Bắc. Sản phẩm của Công ty được tiêu thụ bởi các công ty sản xuất cáp thông tin, cáp điện lực... để phục vụ công trình mạng lưới truyền tải điện, công trình mạng lưới điện thoại, công trình xây dựng cao ốc, nhà ở... Do vậy, tốc độ tăng trưởng kinh tế của Việt Nam sẽ có ảnh hưởng trực tiếp và mạnh mẽ đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Những năm trở lại đây Việt Nam đạt được tốc độ tăng trưởng kinh tế khá cao và ổn định. Cùng với mức tăng trưởng kinh tế liên tục qua các năm, thu nhập bình quân đầu người (đã loại bỏ yếu tố tỉ giá) cũng gia tăng đáng kể, cụ thể mức tăng năm 2007 so với năm 2006 là 3,3%, từ 3000 USD năm 2006 lên 3100 USD năm 2007. Sự gia tăng thu nhập bình quân đầu người đã thúc đẩy nhu cầu tiêu dùng, do đó góp phần vào sự phát triển của các doanh nghiệp nhập khẩu và ngành vận tải đa phương thức.

Tuy nhiên, tốc độ tăng trưởng GDP trong năm 2008 đã chậm lại và chỉ đạt 6.23%, cùng với lạm phát tăng mạnh và khủng hoảng tài chính trên thế giới đã làm cho tiêu dùng tăng chậm lại, do đó không tạo được đà phát triển cho ngành. Theo số liệu của Tổng cục thống kê, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ năm 2008 (sau khi trừ yếu tố tăng giá) chỉ tăng 6.5%, ít hơn nhiều so với con số 10.6% trong năm 2007. Trong khi đó, thu nhập bình quân đầu người (đã loại bỏ yếu tố tỉ giá) thậm chí còn giảm xuống 2600 USD. Rõ ràng, sự sụt giảm tăng trưởng kinh tế có tác động trực tiếp tình hình tiêu dùng và nhu cầu sử dụng hàng hóa và do đó ảnh hưởng tới Công ty cũng như các doanh nghiệp trong ngành.

2. RỦI RO VỀ LUẬT PHÁP

Mặc dù trong những năm qua, Việt Nam đã xây dựng và đã hình thành nên một môi trường pháp lý được xem là khá cởi mở, nhưng hành lang pháp lý của nước ta chưa thật sự nhất quán và ổn định, các văn bản hướng dẫn thi hành không đầy đủ, thiếu tính cập nhật, chồng chéo. Việc áp dụng các văn bản pháp luật vào thực tế còn nhiều bất cập, do đó ảnh hưởng nhất định đến hiệu quả kinh doanh của Công ty.

Là doanh nghiệp hoạt động theo hình thức công ty cổ phần và đăng ký giao dịch trên thị trường UpCOM của Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội, hoạt động của Công ty chịu ảnh hưởng của các văn bản pháp luật về Công ty cổ phần, Chứng khoán và thị trường chứng khoán liên quan đến giao dịch UpCOM. Việc đăng ký giao dịch và huy động trên thị trường chứng khoán là những lĩnh vực còn rất mới mẻ. Luật và các văn bản dưới luật quy định về các vấn đề này còn đang trong quá trình hoàn thiện, do đó nếu có sự thay đổi thì sẽ ảnh hưởng tình hình giao dịch cổ phiếu của Công ty.

3. RỦI RO ĐẶC THÙ

- *Rủi ro về tỷ giá:* Phần lớn các nguyên liệu của Công ty đều phải nhập khẩu. Công ty thanh toán các đơn hàng nhập khẩu nguyên liệu bằng nguồn ngoại tệ mua từ Ngân hàng. Sự biến động của tỷ giá hối đoái sẽ tác động đến giá nguyên liệu đầu vào của Công ty, gây tác động ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Trong những năm gần đây tỷ giá hối đoái giữa VND và USD có nhiều biến động. Tuy nhiên, công ty hiện chưa có khả năng tự cân đối một phần nguồn ngoại tệ sử dụng của mình từ việc xuất khẩu sản phẩm, do vậy việc hạn chế những thiệt hại có thể xảy ra liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái vẫn không cao.

- *Rủi ro về các yếu tố đầu vào:* Giá đồng biến động tỷ lệ thuận với giá kim loại mạnh và giá thế giới, do đó việc tăng giá hay giảm giá của đồng sẽ ảnh hưởng tới sản lượng tiêu thụ dây đồng của Công ty.

4. RỦI RO KHÁC

Các rủi ro khác như thiên tai, dịch hoại, hoả hoạn... là những rủi ro bất khả kháng, luôn có thể xảy ra bất cứ lúc nào; nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người và tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh chung của Công ty.



PHẦN II - NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

1. TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

Ông Đỗ Văn Trắc	Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Trường Phú
Ông Lê Thanh Sơn	Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Trường Phú
Bà Nguyễn Thị Phương Lan	Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Trường Phú
Ông Lê Ngọc Sỹ	Trưởng Ban Kiểm Soát Công ty Cổ phần Trường Phú

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản Cáo Bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. TỔ CHỨC CAM KẾT HỖ TRỢ

Ông Đỗ Huy Hoài : Giám đốc Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC)

Bản công bố thông tin này là một phần của hồ sơ đăng ký giao dịch do Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC) tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng cam kết hỗ trợ với Công ty Cổ phần Trường Phú.

Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản công bố thông tin này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Trường Phú cung cấp.



PHẦN III – CÁC KHÁI NIỆM

Các từ hoặc nhóm từ viết tắt trong Bản cáo bạch này có nội dung như sau:

- ◆ UBCKNN: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- ◆ TTGDCK: Trung tâm Giao dịch Chứng khoán
- ◆ Tổ chức đăng ký giao dịch: Công ty Cổ phần Trường Phú
- ◆ Tổ chức cam kết hỗ trợ: Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC)
- ◆ Tổ chức kiểm toán: Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn tài chính kế toán và kiểm toán phía Nam (AASCs)
- ◆ Công ty: Công ty Cổ phần Trường Phú
- ◆ HĐQT: Hội đồng quản trị
- ◆ BGĐ: Ban Giám Đốc
- ◆ ĐHĐCĐ: Đại hội đồng cổ đông
- ◆ BKS: Ban kiểm soát
- ◆ CBCNV: Cán bộ - công nhân viên
- ◆ VND: Đồng Việt Nam



PHẦN IV – TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. TÓM TẮT QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Tên đầy đủ	: CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG PHÚ	
Tên tiếng Anh	: TRUONG PHU JOINT STOCK COMPANY	
Tên viết tắt	: Truongphu Corp	
Trụ sở	: Lô A2- KCN Phúc Điền – Cẩm Giàng – Hải Dương	
Điện thoại	:0320.3630566	Fax: 03203545089
Website	: http://www.truongphucables.vn/	
Mã số thuế	: 0800298748	

Vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Trường Phú theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 0403000313 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp ngày 20/06/2007 là 100 tỷ đồng (Một trăm tỷ đồng).

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- ◆ Sản xuất dây đồng.
- ◆ Sản xuất dây và cáp điện.
- ◆ Sản xuất cáp thông tin, tín hiệu.

Là doanh nghiệp chuyên sản xuất dây đồng 0,1-1,0mm; 1,0-8,0mm ; lõi dây bên 0,5-10mm² nhằm phục vụ cho các đối tượng khách hàng sản xuất dây và cáp thông tin, dây và cáp điện, dây và cáp điện, cáp quang, cáp mạng LAN, cáp đồng trục... phục vụ cho sản xuất, thông tin, xây dựng, truyền hình, mạng... Sản xuất kinh doanh các loại . dây và cáp điện, cáp quang, cáp mạng LAN, cáp đồng trục... phục vụ cho sản xuất, thông tin, xây dựng, truyền hình, mạng...

1.1. QUÁ TRÌNH THÀNH LẬP VÀ PHÁT TRIỂN

Công ty Cổ Phần Trường Phú (Viết tắt: Truong phu corp.) được thành lập theo Giấy phép ĐKKD số 0403000313 do Sở Kế hoạch đầu tư TP Hải Dương cấp lần đầu ngày 09 tháng 08 năm 2005, có vốn điều lệ là: 100 tỷ đồng.

Ngành nghề kinh doanh chủ yếu của công ty là: Sản xuất, kinh doanh mua bán, xuất nhập khẩu các loại dây và cáp, nguyên liệu để sản xuất cáp,...

Đến cuối năm 2005 khối văn phòng nhà xưởng tại nhà máy đã đi vào hoạt động chính thức.



Tháng 10 năm 2006 hoàn thành xong dự án đầu tư và sản xuất các sản phẩm phẩm dây đồng cung cấp nguyên vật liệu đầu vào cho các nhà máy sản xuất dây cáp viễn thông, dây và cáp điện.

Quý 4 năm 2007 hoàn thành các hạng mục về hạ tầng cơ sở(Nhà xưởng, đường nội bộ, công trình phụ,...) tại KCN Phúc Điền- Cẩm Giàng- Hải Dương, lắp đặt và chạy thử xong phần dây chuyền sản xuất cáp viễn thông, tiến hành việc bổ sung thiết bị để sản xuất dây điện dân dụng, cáp LAN và cáp đồng trục- tivi.

Năm 2005: Thành lập Công ty CP Trường Phú

Hiện tại, công ty là một trong những đối tác uy tín, được lựa chọn của các nhà sản xuất, xuất nhập khẩu và nhiều tập đoàn sử dụng các loại Dây và cáp lớn trong nước.

Để không ngừng đáp ứng những yêu cầu của thị trường, , đáp ứng được tối đa những yêu cầu, mong muốn của khách hàng và đối tác. Đồng thời, công ty đã xây dựng được bộ máy cơ cấu tổ chức hợp lý, hiệu quả với cán bộ, nhân viên của công ty được chọn lựa có kinh nghiệm, trình độ chuyên môn cao, tận tụy và trách nhiệm trong công việc.

1.2. CÁC THÀNH TÍCH ĐẠT ĐƯỢC

Thừa hưởng những quan hệ đối tác trong và ngoài nước từ trước của các thành viên trong Hội đồng quản trị, cùng với qua quá trình xây dựng và phát triển của công ty, đến nay công ty đã đi vào hoạt động ổn định, trên đà phát triển và đạt được một số thành quả tương đối khả quan. Công ty Cổ phần Trường Phú trang bị những dây chuyền, máy móc thiết bị tiên tiến nhất, mới 100% trong ngành sản xuất dây và cáp Việt Nam, như: dây chuyền đúc đồng; dây chuyền kéo đồng, dây chuyền bọc mạch, máy kéo trung, máy ghép nhóm, dây chuyền ghép siêu nhóm, dây chuyền bện cáp, dây chuyền bọc vỏ cáp...với công nghệ hiện đại từ Phần Lan, Nhật Bản, Italia,... đảm bảo cho công ty sản xuất ra các sản phẩm có chất lượng cao. Bên cạnh đó, Trường Phú còn là nơi ứng dụng những tính năng ưu việt nhất về thiết kế, công nghệ, quản lý, tổ chức sản xuất của các doanh nghiệp trong ngành, là nơi hội tụ của những kỹ sư, công nghệ, những nhà quản lý, kinh doanh trẻ, nhiệt huyết, năng động và đội ngũ công nhân lành nghề.



Với nguồn nguyên vật liệu đầu vào có chất lượng cao của các tập đoàn hàng đầu thế giới từ Austraylia; Singapore, Mỹ, Nhật..., công ty đảm bảo cung cấp cho thị trường các sản phẩm có chất lượng cao mang thương hiệu **TGP** độc quyền.

Tháng 10 năm 2006 hoàn thành xong dự án đầu tư và sản xuất các sản phẩm phẩm dây đồng cung cấp nguyên vật liệu đầu vào cho các nhà máy sản xuất dây cáp viễn thông, dây và cáp điện.

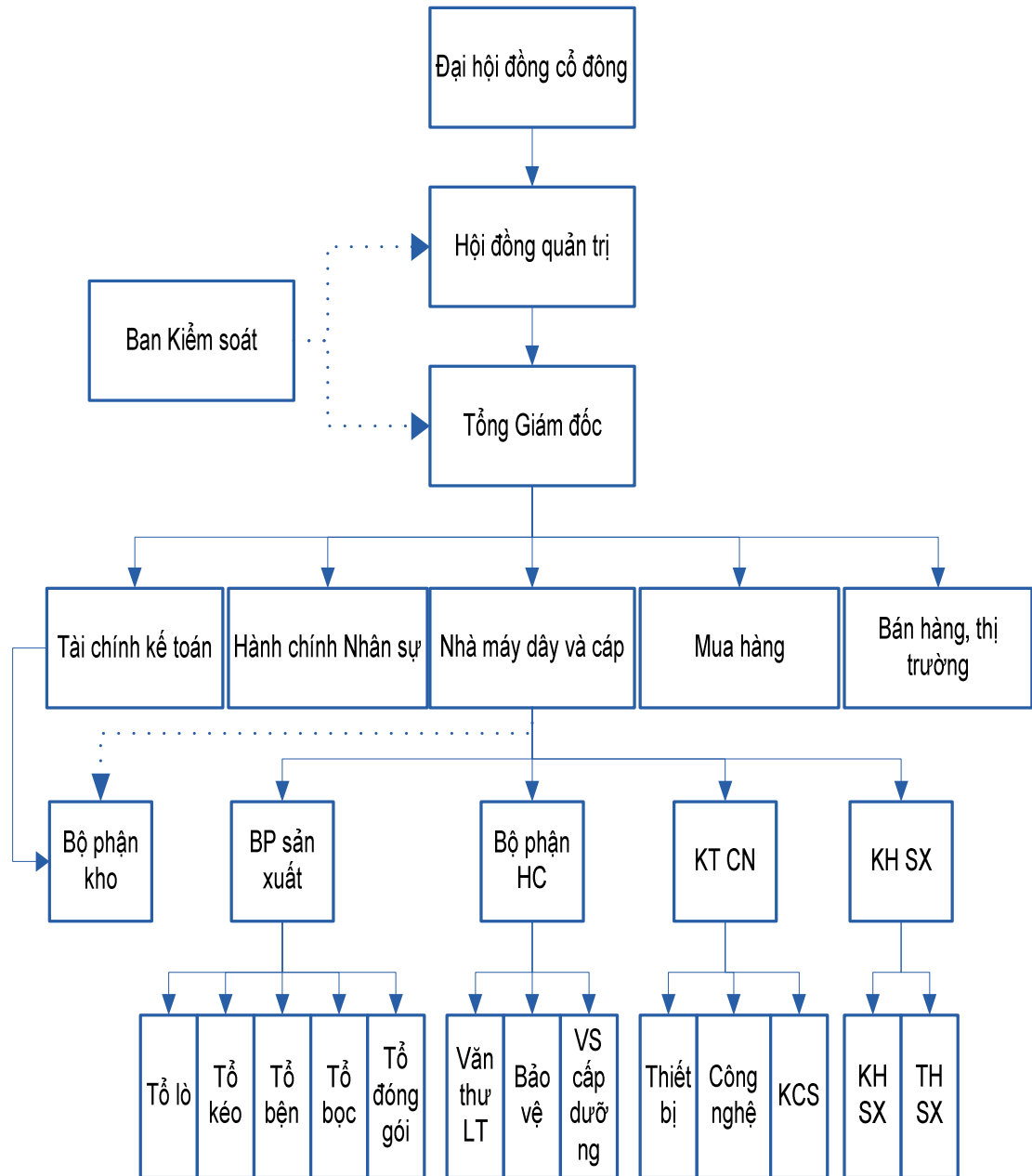
Quý 4 năm 2007 hoàn thành các hạng mục về hạ tầng cơ sở(Nhà xưởng, đường nội bộ, công trình phụ,...) tại KCN Phúc Điền- Cẩm Giàng- Hải Dương, lắp đặt và chạy thử xong phần dây chuyền sản xuất cáp viễn thông, tiến hành việc bổ sung thiết bị để sản xuất dây điện dân dụng, cáp LAN và cáp đồng trục- tivi.

Quý 4 năm 2008 Liên doanh hợp tác sản xuất cáp quang với Công ty Vinacap đã chính thức đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định, có doanh thu, lợi nhuận.

Cuối quý 2 đầu quý 3 năm 2008 Công ty đã chính thức hoàn thiện và cho ra thị trường các loại sản phẩm dây điện dân dụng có tính năng ưu việt hơn hẳn các loại dây điện thông thường về điện trở suất, độ bền kéo, bền uốn, khả năng lớp cách điện, chịu được khí hậu ngoài trời nắng nóng. Các sản phẩm đã được hợp chuẩn theo TCVN 5844 - 1994 và TCVN 2103 - 1994.

2. CƠ CẤU TỔ CHỨC CÔNG TY

2.1. Sơ đồ cơ cấu tổ chức Công ty Cổ phần Trường Phú



Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng Cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, bao gồm tất cả các cổ đông có quyền bỏ phiếu hoặc người được cổ đông ủy quyền. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần. Trách nhiệm và quyền hạn của Đại hội đồng cổ đông được quy định tại Điều 14 Điều lệ Công ty.

Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty có toàn quyền nhân danh công ty quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ (Điều 25), các quy chế nội bộ của Công ty và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông quy định.

Ban Kiểm soát

Ban kiểm soát là tổ chức thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành Công ty. Quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát được quy định tại Điều lệ Công ty.

Tổng Giám đốc

Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý được uỷ thác trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị một cách trung thực và theo phương thức mà họ tin là vì lợi ích cao nhất của Công ty và với một mức độ cẩn trọng mà bất kỳ một người thận trọng nào cũng cần phải có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự. Quyền và nhiệm vụ của Tổng Giám đốc được quy định tại Điều 31 Điều lệ Công ty.

Các Phòng nghiệp vụ***Phòng tài chính kế toán:***

Tổ chức công tác kế toán, thống kê, tính toán, ghi chép, cập nhật các nghiệp vụ phát sinh, xác định kết quả sản xuất kinh doanh và phân tích kết quả sản xuất kinh doanh trong định kỳ, phát hiện lãng phí thiệt hại xảy ra và khắc phục. Lập dự thảo kế hoạch tài chính, tín dụng, kế hoạch tiền mặt, thống nhất hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty theo định kỳ. Xây dựng, tổ chức triển khai thực hiện quy chế tài chính.

Phòng hành chính nhân sự:

Quản lý nhân sự, tuyển dụng, đào tạo, lao động tiền lương và công tác chính sách cho người lao động trong công ty. Ngoài ra Phòng còn quản lý bộ phận lễ tân, lái xe.

Phòng bán hàng thị trường:

Phụ trách mảng tiếp thị, bán hàng. Phòng xây dựng chiến lược bán hàng và chính sách bán hàng, xây dựng kế hoạch bán hàng hàng tháng, soạn thảo và quản lý hợp đồng kinh tế, trực tiếp quản lý các đại lý bán hàng.



Phòng mua hàng

Xây dựng kế hoạch năm, quý về kế hoạch vật tư, kế hoạch sản xuất và tham mưu chiến lược kinh doanh. Xây dựng kế hoạch sản xuất tuần, lập kế hoạch mua vật tư, theo dõi và triển khai quản lý các dự án đầu tư của công ty.

Nhà máy Dây và cáp:

Tổ chức sản xuất đảm bảo đúng kế hoạch và nhiệm vụ đột xuất công ty giao. Quản lý và điều hành sản xuất theo hệ thống quản lý chất lượng ISO, giảm tỷ lệ phế phẩm, phế liệu. Xây dựng định mức tiêu hao vật tư và hao phí lao động.

Các phòng nghiệp vụ tại Nhà máy

Phòng kỹ thuật công nghệ:

Lập và quản lý hồ sơ lý lịch của máy móc thiết bị; lập kế hoạch và tổ chức bảo dưỡng máy móc định kỳ, lập dự trù vật tư, linh kiện, phụ tùng thay thế, dự phòng phục vụ bảo dưỡng, sửa chữa, cải tiến kỹ thuật cho máy móc thiết bị.

Phòng kế hoạch sản xuất:

Lập kế hoạch cho sản xuất, vật tư cho nhà máy dựa trên đơn đặt hàng theo kế hoạch sản xuất kinh doanh ngày, tuần, tháng, năm..

Theo dõi tình hình sản xuất theo đơn hàng, kế hoạch để làm thủ tục quyết toán vật tư, sản phẩm làm căn cứ tính giá thành sản phẩm.

3. DANH SÁCH CỔ ĐÔNG NĂM GIỮ TỪ TRÊN 5% VỐN CỔ PHẦN CỦA CÔNG TY; DANH SÁCH CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP VÀ TỈ LỆ CỔ PHẦN NĂM GIỮ, CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

3.1. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty vào ngày 31/5/2009:

TT	Tên cổ đông	Số CMND/ ĐKKD	Địa chỉ	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu
1	Lê Thanh Sơn	011077454	Số 123,Ngõ 164,Vương Thừa Vũ,Q.Thanh Xuân,HNội	1.951.307	19,51%
2	Đỗ Văn Trắc	023424568	Số 32,Huỳnh Tịnh Của,Phường 8,Quận 3,Hồ Chí Minh	1.938.070	19,38%
3	Nguyễn Trung Hà	011130732	Số 28,Phố Hàng Đường,Hàng Đào,Q.Hoàn Kiếm,HNội	713.400	7,13%
4	Trần Lan Phương	023981429	Số 68/2,Đường CMT8,Phường 5,Tân Bình,Hồ Chí Minh	594.500	5,94%

3.2. Danh sách cổ đông sáng lập:

Stt	Tên cổ đông sáng lập	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Số cổ phần	Tỷ lệ góp vốn (%)
1	Đỗ Văn Trắc	Số 32, Huỳnh Tịnh Của, Phường 8, Quận 3, Hồ Chí Minh	87.500	25%
2	Lê Thanh Sơn	Số 123, Ngõ 164, Vương Thừa Vũ, Q. Thanh Xuân, HNội	122.500	35%
3	Nguyễn Trung Hà	Số 28, Phố Hàng Đường, Hàng Đào, Q. Hoàn Kiếm, HNội	35.000	10%
4	Trần Lan Phương	Số 68/2, Đường CMT8, Phường 5, Tân Bình, Hồ Chí Minh	35.000	10%
5	Ngô Đức Thao	Số 22/11, Điện Biên Phủ, P. 15, Q. Bình Thạnh, HCM	17.500	5%
6	Vũ Thị Dính	TT198, Phường Láng Thượng, Q. Đống Đa, TP Hà Nội	8.750	2,5%
7	Nguyễn Bích Ngọc	Số 40, Phố Linh Quang, P. Văn Chương, Q. Đống Đa, HNội	8.750	2,5%
	Tổng cộng		100%	Phổ thông

3.3. Cơ cấu cổ đông và tỷ lệ cổ phần nắm giữ trước khi đăng ký giao dịch

Nội dung	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%)
Cổ đông Nhà nước			
Tổ chức:			
+ Trong nước:	01	11.890	0,12
+ Ngoài nước:			
Cá nhân:			
+ Trong nước:	361	9.980.610	99,81
+ Ngoài nước:			
Tổng số		9.992.500	99,93%

4. DANH SÁCH NHỮNG CÔNG TY MẸ VÀ CÔNG TY CON CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH, NHỮNG CÔNG TY MÀ TỔ CHỨC PHÁT HÀNH ĐANG NẮM GIỮ QUYỀN KIỂM SOÁT HOẶC CỔ PHẦN CHI PHỐI, NHỮNG CÔNG TY NẮM QUYỀN KIỂM SOÁT HOẶC CỔ PHẦN CHI PHỐI ĐỐI VỚI TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

Không có Công ty mẹ, Công ty con tính đến thời điểm tháng 06 năm 2009

5. HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1. Các nhóm sản phẩm của Công ty

Các sản phẩm chính của Công ty như sau:

- Dây đồng từ $\Phi 0,15\text{mm}$ – $\Phi 8\text{mm}$.
- Dây đồng mềm ($0,5\text{mm}^2$ – 10mm^2)
- Dây & cáp điện các loại.
- Cáp thông tin từ 10 đôi đến 1200 đôi.
- Cáp mạng. Cat 5, Cat 5e, Cat 6
- Cáp TV (Cáp đồng trục RG59, RG6, RG11...).
- Cáp quang từ 2 đôi đến 116 đôi.
- Nguyên vật liệu phục vụ ngành cáp.



Dây đồng



Dây điện dân dụng



Dây cáp điện



Cáp quang



Cáp mạng LAN



Dây thông tin



Cáp viễn thông

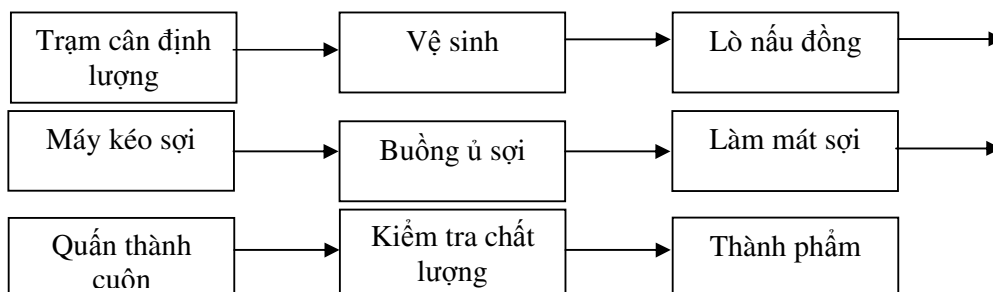


NVL cho ngành cáp

5.2. Quy trình sản xuất

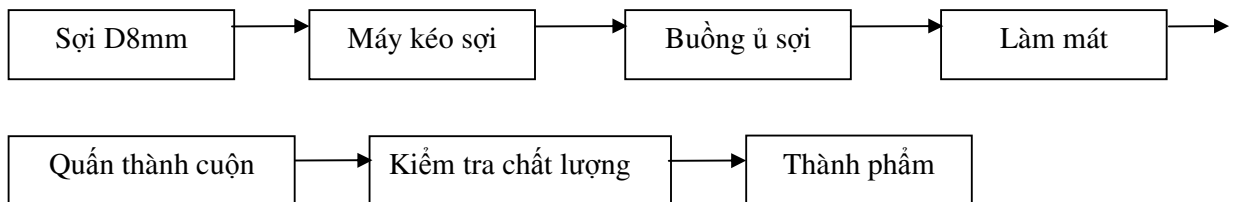
5.2.1. Quy trình sản xuất dây đồng

Mô tả vắn tắt quy trình sản xuất dây đồng 8mm:



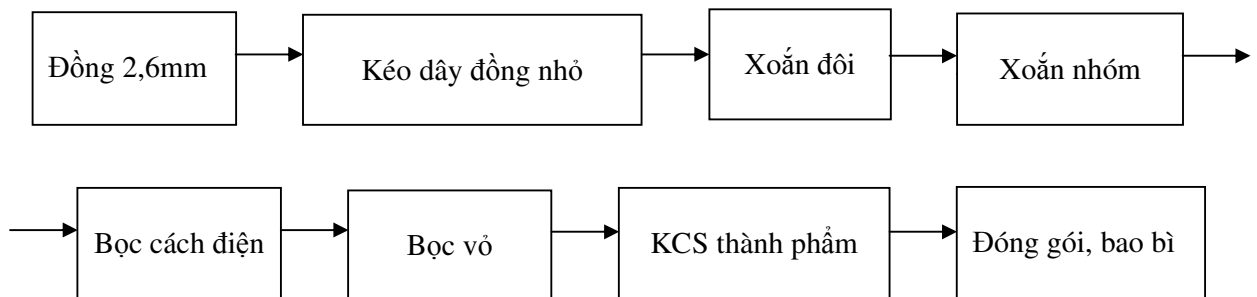


Mô tả vắn tắt quy trình sản xuất dây đồng 2,6mm:



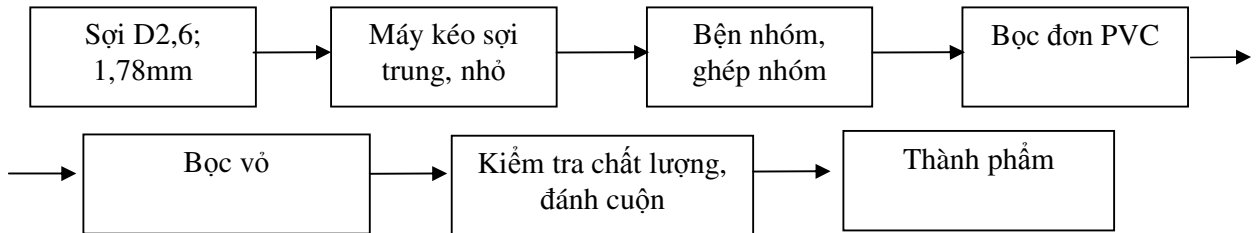
5.2.2. Quy trình sản xuất tín hiệu

Mô tả vắn tắt quy trình sản xuất:



5.2.3. Quy trình sản xuất dây điện

Mô tả vắn tắt quy trình sản xuất dây điện:



5.3. Kế hoạch phát triển kinh doanh

5.3.1. Kế hoạch phát triển kinh doanh

Tiếp tục đẩy mạnh và phát triển SX-KD các loại sản phẩm dây đồng chất lượng cao nhằm phát huy tối đa công suất của dây chuyền đúc đồng, kéo đồng với kế hoạch đặt ra là phát huy đến 80% - 100% công suất đúc đồng.

Năm 2009 doanh thu dự kiến cho các loại sản phẩm dây đồng là 400 đến 500 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế dự kiến đạt được khoảng 2% trên tổng doanh thu. Năm 2010 doanh thu dự kiến cho các loại sản phẩm dây đồng là 600 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế dự kiến đạt được khoảng 2% trên tổng doanh thu.

Thâm nhập và đi sâu vào lĩnh vực sản xuất kinh doanh các sản phẩm dây và cáp điện, cáp LAN, cáp đồng trục. Tìm tòi để đưa ra thị trường các loại dây và cáp điện có tính năng ưu việt hơn hẳn các loại dây và thông thường về điện trở suất, độ bền kéo, bền uốn, khả năng lợp cách điện chịu được khí hậu ngoài trời nhiệt đới nắng nóng. Nhằm mục đích cung cấp các sản phẩm dây cáp cho các công trình đòi hỏi chất lượng cao.

Năm 2009 dự kiến đạt doanh thu từ dây và cáp điện, cáp LAN, cáp đồng trục từ 40 đến 50 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế dự kiến đạt khoảng 4-5 tỷ đồng.

Năm 2010 dự kiến đạt doanh thu từ dây và cáp điện, cáp LAN, cáp đồng trục từ 100 đến 150 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế dự kiến đạt khoảng 10-15 tỷ đồng

5.3.2. Định hướng phát triển công ty:

- **Mục tiêu:**

- Cân đối hài hoà giữa lợi nhuận và thị phần, duy trì tăng trưởng vững chắc cả về lợi nhuận và thị phần hàng năm.
- Lấy sản xuất kinh doanh các loại dây cáp chất lượng cao làm trọng tâm (ví dụ: dây đồng mềm các loại), đa dạng hoá sản phẩm và gia công hàng xuất khẩu (cáp đồng trục, cáp LAN,..). Khai thác tốt các cơ hội kinh doanh đem lại lợi nhuận cao để hỗ trợ.
- Xây dựng mối quan hệ hợp tác tốt đẹp và bền vững với khách hàng và các doanh nghiệp cùng ngành.

- **Định hướng ngành:**

- Về quy mô, tổ chức, cần định hướng phát triển Công ty đến giai đoạn 2009-2013 trở thành Công ty sản xuất dây cáp và nhà cung cấp dây đồng hàng đầu tại Việt nam . Từng bước vững chắc đa dạng hoá sản phẩm, đa dạng hoá ngành nghề, đồng thời phải có chính sách nhân sự tốt để tuyển chọn và đào tạo được đội ngũ cán bộ quản lý và công nhân kỹ thuật trình độ cao, đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ trong từng giai đoạn.

- **Chiến lược phát triển công ty:**

- Với mục tiêu tối đa hoá lợi nhuận của cổ đông, đảm bảo lợi ích và nâng cao đời sống của CBCNV Công ty, thoả mãn và đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của thị trường và xã hội, đưa công ty trở thành một công ty sản xuất dây đồng, dây cáp điện hàng đầu tại Việt Nam.

Để đạt được mục tiêu này, Công ty đề ra các chiến lược sau:

- **Chiến lược sản phẩm:** Tiêu chí sản phẩm tham gia thị trường là chất lượng tốt, mẫu mã đẹp, giá cạnh tranh. Lựa chọn đúng và xây dựng sản phẩm chủ lực làm nền tảng phát triển các sản phẩm khác. Ngoài lợi thế về các sản phẩm dây đồng có chất lượng cao, độ tinh khiết, uốn dẻo, nhẵn bóng, Công ty sẽ cho ra đời các sản phẩm dây và cáp điện có tính năng ưu việt hơn hẳn các loại dây và cáp thông thường về điện trở suất, độ bền kéo, bền uốn, khả năng lớp cách điện chịu được khí hậu ngoài trời nhiệt đới nắng nóng. Được sản xuất theo TCVN 5844 - 1994 và TCVN 2103 – 1994, phù hợp với tiêu chuẩn Châu Âu (CENELEC) hoặc Nhật JIS. Nhằm thay thế các sản phẩm cáp điện chất lượng cao đang phải nhập khẩu

- **Chiến lược giá:** Công ty luôn tìm mọi biện pháp hoàn thiện công tác quản lý sản xuất nhằm giảm chi phí, giảm phế phẩm, tiết kiệm nguyên vật liệu để hạ giá thành sản phẩm. Bên cạnh đó có chính sách giá phù hợp và tốt nhất với khách hàng để cạnh tranh trên thị trường nhưng vẫn đảm bảo lợi nhuận đề ra.
- **Chiến lược phân phối:** Với phương châm đa dạng kênh phân phối, Ngoài việc Công ty phân phối sản phẩm như ký hợp đồng cung cấp các sản phẩm dây đồng cho các nhà sản xuất dây và cáp điện, dây và cáp viễn thông, Công ty phân phối sản phẩm thông qua các công ty thương mại, các cửa hàng đại lý cấp 1, cấp 2 và liên doanh, liên kết với các Công ty trong ngành khác để làm nhà thầu phụ.
- **Chiến lược quảng cáo tiếp thị:**
 - Tăng cường công tác quảng bá thương hiệu, tiếp thị sản phẩm
 - Phát triển các thị trường hiện tại, đưa ra chính sách đối với khách hàng uyển chuyển để vừa phát triển doanh số bán hàng mà vẫn thu hồi tối đa công nợ để đảm bảo cho kế hoạch tài chính chủ động.
 - Xây dựng phong cách kinh doanh chuyên nghiệp.
 - Tìm cơ hội xâm nhập các thị trường tiềm năng trong và ngoài nước

5.3.3. Các biện pháp, chính sách phát triển kinh doanh

Công ty cần tập trung mọi nguồn lực, phát huy tinh thần làm việc chuyên nghiệp, chủ động, sáng tạo để thực hiện mục tiêu đề ra. Các giải pháp được Ban Tổng giám đốc đưa ra để hiện thực hoá mục tiêu trong năm 2009 bao gồm:

- **Công tác thị trường**
 - Tăng cường công tác quảng bá thương hiệu, tiếp thị sản phẩm
 - Phát triển các thị trường hiện tại, đưa ra chính sách đối với khách hàng uyển chuyển để vừa phát triển doanh số bán hàng mà vẫn thu hồi tối đa công nợ để đảm bảo cho kế hoạch tài chính chủ động.
 - Xây dựng phong cách kinh doanh chuyên nghiệp.
 - Tìm cơ hội xâm nhập các thị trường tiềm năng trong và ngoài nước
- **Tổ chức quản lý sản xuất**
 - Tiếp tục triển khai thực hiện và hoàn thiện mô hình quản lý theo tiêu chuẩn ISO- 9000, ban hành hệ thống các văn bản, quy định, quy trình phù hợp.
 - Kiểm soát chặt chẽ chi phí bảo dưỡng thiết bị, nhà xưởng, phương tiện vận tải; Quản lý chặt hàng tồn kho, định mức vật tư, tiêu hao sản phẩm...

- Theo dõi chặt chẽ tình hình và diễn biến giá nguyên vật liệu chủ yếu để có những quyết sách kịp thời mang lại hiệu quả SX-KD cho Công ty.
- Triển khai đồng bộ giữa nhu cầu khách hàng-nguồn cung cấp vật tư- bảo trì máy móc thiết bị nhằm đảm bảo đúng hạn giao hàng, giảm chi phí, tăng hiệu quả sản xuất.
- Phải chú trọng hàng đầu đến quản lý chất lượng sản phẩm vì đây là yếu tố quyết định đến chữ tín trong kinh doanh của công ty.

- **Công tác quản lý tài chính – kế toán**

- Xây dựng kế hoạch tài chính sát với thực tế sản xuất, chọn các ngân hàng cho vay với lãi suất thấp nhất;
- Sản xuất, giao hàng và hoàn tất thủ tục thanh toán nhanh để thu hồi vốn cho sản xuất;
- Xây dựng kế hoạch tồn kho thành phẩm, bán thành phẩm, vật tư hợp lý, theo các quy định đã ban hành.
- Tổ chức thực hiện sau bán hàng theo quy định quản lý công nợ của Công ty.

- **Công tác xây dựng nhân lực**

- Xây dựng đội ngũ nhân lực xuất phát từ tầm nhìn chiến lược và mục tiêu của Công ty. Đổi mới tư duy về nguồn nhân lực từ quản lý nhân sự sang quản trị nhân sự và quản lý tài năng. Do vậy Công ty cần phải:
- Xây dựng đội ngũ cán bộ công nhân viên tinh nhuệ, nhiệt tình, đoàn kết. Tổ chức các khoá huấn luyện, đào tạo chuyên môn nghiệp vụ, nâng bậc...
- Từng bước bổ sung chính sách thu hút và sử dụng nhân tài, đảm bảo yêu cầu phục vụ sản xuất kinh doanh, phát triển Công ty.
- Thông suốt mục tiêu của Công ty từ các cấp quản lý cao nhất đến từng CBCNV.
- Xây dựng văn hoá doanh nghiệp một cách rõ nét, mang đặc trưng riêng của Trường Phú để tạo môi trường, động lực làm việc cho CBCNV.

6. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	2007	2008	% Tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	273.777	320.569	17%
Tài sản ngắn hạn	180.002	214.355	19%
Tài sản dài hạn	93.774	106.214	13%
Nợ phải trả	169.097	215.867	28%

Chỉ tiêu	2007	2008	% Tăng giảm
Vốn chủ sở hữu	104.679	104.702	0%
Doanh thu thuần	906.190	356.571	-61%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	22.103	(22.527)	-202%
Lợi nhuận khác	5	22.639	452680%
Lợi nhuận trước thuế	22.108	112	-99%
Lợi nhuận sau thuế	22.108	112	-99%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức (bằng cổ phiếu)	57%	0%	-

Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán 2008

6.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm báo cáo

- Nhận xét qua về kết quả SXKD qua các năm: Năm 2008 là năm Công ty hoàn thiện việc đầu tư xây dựng dây chuyền sản xuất cáp viễn thông, cáp quang, dây điện dân dụng và bắt đầu đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh dây đồng mềm các loại. Đây là một năm đầy khó khăn và thử thách về mọi mặt đối với toàn thể ban lãnh đạo và CBCNV trong Công ty, nhưng với sự phấn đấu, nỗ lực và sự quyết tâm cao, tập thể đội ngũ kỹ thuật và các công nhân vận hành đã làm chủ được công nghệ thiết bị tiên tiến hiện đại nhất của Châu Âu, cung cấp cho thị trường các sản phẩm dây đồng chất lượng cao nhất và được các khách hàng rất hoan nghênh. Với kết quả này, Trường Phú có những đánh giá như sau:
- Công ty liên tục duy trì tính ổn định, từng bước hoàn thiện công tác tổ chức nhân sự, quản lý sản xuất, đảm bảo tận dụng, phát huy năng lực máy móc thiết bị hiện có, đầu tư mới những hạng mục cần thiết.
- Bố trí sản xuất, điều độ có sự phối hợp nhịp nhàng giữa các bộ phận từ Công ty cho đến các XN trong tổ chức thực hiện, triển khai sản xuất, sử dụng lao động và thiết bị hợp lý, đảm bảo quy trình công nghệ. Luôn nâng cao tinh thần trách nhiệm, tìm tòi, sáng tạo trong lao động sản xuất nhằm mục tiêu giảm thiểu tối đa chi phí sản xuất, khẳng định chỗ đứng vững chắc trên thị trường về cung cấp sản phẩm dây đồng có chất lượng hàng đầu.
- Chủ động trong việc thực hiện kế hoạch sản xuất, kinh doanh năm 2008 bằng những chiến lược hợp lý trong từng thời điểm, giai đoạn cụ thể.

- Công tác quản lý tài chính – kế toán luôn đảm bảo đúng luật pháp và chuẩn mực kế toán, tính toán nhu cầu vốn hợp lý, sử dụng vốn vay đúng mục đích, được các ngân hàng thương mại ủng hộ, từng bước cải thiện công tác quản lý và thu hồi công nợ.
- Đối với người lao động: Công ty tổ chức các khoá huấn luyện, đào tạo chuyên môn nghiệp vụ cho người lao động đủ năng lực, tin tưởng và yên tâm làm việc, tăng tính sáng tạo trong SX-KD, đồng thời luôn đảm bảo đời sống vật chất tinh thần của CBCNV, thực hiện đầy đủ các chính sách đối với người lao động, phát động các phong trào thi đua vì sự phát triển lâu dài của Công ty.
- Ngoài các yếu tố khách quan của sự biến động kinh tế thế giới và trong nước nói chung, Công ty gặp phải một số khó khăn ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh như sau:
 - Giảm doanh số: Tác động của suy thoái kinh tế toàn cầu khiến tốc độ tăng trưởng kinh tế Việt Nam đã giảm, doanh số bán hàng của Công ty đã giảm 61%;
 - Tồn kho lớn: So với 2007, năm 2008 này, tồn kho của Công ty rất cao (tăng 100%). Sức ép tồn kho lớn, ảnh hưởng đến vốn lưu động của Công ty, dẫn đến Phải trả người bán tăng đột biến (1675%)
 - Tác động của tỷ giá hối đoái: Tại thời điểm tháng 12/2008 dự trữ ngoại tệ của Việt nam là 25 tỷ USD, chỉ bằng dưới 1/2 tổng mức nợ nước ngoài (2008:USD64.01 tỷ), khả năng cung cấp ngoại tệ không được đảm bảo và có nhiều hạn chế. Sản phẩm của công ty chủ yếu tiêu thụ thị trường nội địa, nhu cầu về ngoại tệ thanh toán hàng hóa, nguyên vật liệu nhập khẩu là rất lớn, trong điều kiện tỷ giá bất ổn công ty không dễ dàng mua được USD từ những ngân hàng cung cấp ngoại tệ tại Việt nam với tỷ giá có lợi hơn.
 - Chi phí tài chính tăng do quy mô vay ngân hàng lớn để bổ sung vốn lưu động
 - Trong năm vừa qua, Công ty đã quá chú trọng trong việc thực hiện ổn định công tác tổ chức, bộ máy quản lý điều hành trong toàn Công ty.

6.3.Những tồn tại cần khắc phục

Những điểm mà Công ty cần lưu ý, khắc phục để làm tốt hơn trong năm 2009 và những năm sau:

- Chi phí tài chính tăng do quy mô vay ngân hàng để bổ sung vốn lưu động.
- Việc xây dựng văn hoá Công ty còn chậm, chưa xây dựng xong tiêu chuẩn, chuẩn mực quy tắc ứng xử trong nội bộ và với bên ngoài.
- Kiểm điểm, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ SX-KD năm 2008 cho thấy đây là một năm có nhiều khó khăn, phức tạp.

6.3.1. Khó khăn:

- Chịu ảnh hưởng chung của cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới dẫn đến những biến động tiêu cực của kinh tế Việt Nam, giảm phát cùng với giá của vật tư chính của ngành sản xuất dây và cáp điện luôn biến động phức tạp khó lường đã ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong những năm đầu năm nay.
- Chi phí tài chính tăng cao do tỷ giá đồng USD diễn biến phức tạp dẫn đến tăng chi phí tài chính, giảm khả năng cạnh tranh và hiệu quả sản xuất kinh doanh.
- Thị trường tài chính chưa ổn định, tỷ lệ giảm phát gia tăng, các biện pháp thắt chặt của chính phủ ảnh hưởng đến công tác đầu tư, cho vay...v.v.. làm giảm thị trường đầu ra của sản phẩm dây và cáp.

6.3.2. Thuận lợi:

- Công ty đã tạo được một thương hiệu tốt trong lĩnh vực cung cấp nguyên liệu cho ngành sản xuất cáp sau hai năm tham gia thị trường.
- Đội ngũ CBCNV của công ty đã tiến bộ, trưởng thành và ổn định.
- Công ty đã cơ bản hoàn thành xây dựng cơ sở hạ tầng, mô hình quản lý bắt đầu hoạt động ổn định, đi vào hiệu quả, tạo cho CBCNV toàn Công ty một tinh thần mới, sức bật mới.
- Tiềm năng đầu tư xây dựng hạ tầng tại Việt Nam còn rất lớn tạo cơ hội cho Trường Phú tham gia cung cấp sản phẩm cho các công trình xây dựng dân dụng điện lực và viễn thông.
- Việc Việt Nam gia nhập tổ chức thương mại thế giới WTO tạo nhiều thách thức lớn đối với công ty trong việc cạnh tranh với các sập phẩm cùng loại nhưng chúng tôi xét thấy đây cũng đồng thời là cơ hội lớn để công ty có thêm đối tác và thị trường mới.

7. VỊ THẾ CỦA CÔNG TY SO VỚI CÁC DOANH NGHIỆP KHÁC TRONG CÙNG NGÀNH

7.1. Vị thế của Công ty trong ngành

- Với tốc độ phát triển của thị trường dây và cáp điện như hiện nay, cùng với tốc độ phát triển của các nhà máy sản xuất dây và cáp thì nhu cầu nguyên vật liệu phục vụ cho quá trình sản xuất ngày càng đòi hỏi cao cả về số lượng và chất lượng. Tuy nhiên trên thị trường hiện nay hiện chỉ có một số doanh nghiệp có dây chuyền sản xuất đầy đủ bao gồm từ máy sản xuất dây đồng D8 từ đồng cattot đến các dây chuyên kéo, bện và bọc và cung cấp bán sản phẩm đầu vào (dây đồng D8 và các dây tiết diện nhỏ hơn).
- Với việc đầu tư dây chuyền công nghệ hiện đại của Châu Âu, được vận hành bởi đội ngũ kỹ sư, kỹ thuật viên, nhân viên vận hành tay nghề cao, Công ty đã cho ra những sản phẩm dây đồng chất lượng cao và có uy tín nhất trên thị trường hiện nay và đã khẳng định được chỗ đứng vững chắc trên thị trường về việc cung cấp các sản phẩm dây đồng phục vụ cho ngành sản xuất dây và cáp.

- Công ty Cổ phần Trường Phú được thành lập từ năm 2005, đã có gần 3 năm hoạt động kinh doanh. Đến nay, công ty đã xây dựng được đội ngũ cán bộ công nhân viên lành nghề, có tính chuyên nghiệp cao và có được lượng khách hàng đông đảo. Công ty có được sự cung cấp nguyên vật liệu ổn định và về số lượng, chất lượng và chủng loại từ các nhà cung cấp lớn của nước ngoài. Ngoài ra, công ty hoạt động có uy tín nên nhận được sự hỗ trợ mạnh mẽ về tín dụng của các ngân hàng thương mại

Thị phần về cung cấp các sản phẩm dây đồng: Hiện tại dây đồng Trường Phú nhãn hiệu TGP chiếm thị phần từ 10-15%, trong thời gian tới dự kiến tăng thị phần lên 20-25%.

- Sản phẩm dây và cáp điện có thị trường lớn và tăng trưởng liên tục vì Việt Nam là một nước đang phát triển, đang từng ngày phấn đấu chuyển đổi cơ cấu kinh tế từ một nước sản xuất nông nghiệp thành một nước sản xuất công nghiệp.
- Dự báo thị trường dây và cáp điện: dùng phương pháp dự báo gián tiếp. Đó là căn cứ vào sản lượng điện sản xuất của quốc gia hàng năm từ đó đánh giá tỉ lệ tăng nhu cầu hàng năm của sản phẩm dây và cáp điện.
- Giai đoạn 2005- 2010, ngành điện Việt Nam đã có kế hoạch đầu tư phát triển nguồn điện đến năm 2010 đạt sản lượng 92tỷ Kwh. Với tổng vốn đầu tư khoảng 12 tỷ USD. Trong đó tập trung vào 2 lĩnh vực chính là nguồn điện và lưới điện (4,6 tỷ) xây mới 32 nhà máy điện.
- Như vậy trong 5 năm tới cần một lượng dây và cáp điện đủ lớn nhằm đảm bảo truyền dẫn hết sản lượng điện 46 tỷ KWh tăng thêm.
- So với giai đoạn 1999 - 2004 thì giai đoạn 2005 -2010 nhu cầu dây và cáp điện hàng năm sẽ tăng gần gấp đôi. Hay nói cách khác là trong 5 năm tới các nhà máy sản xuất trong nước phải tăng gấp đôi sản lượng của mình mới đáp ứng được nhu cầu thị trường trong nước. Hoặc không tăng sản lượng thì phải xây mới một số nhà máy với công suất bằng với thời điểm hiện nay.
- Giai đoạn 2010 - 2015: nhu cầu thị trường dây và cáp điện dự báo vẫn tiếp tục tăng cao và dự báo gấp 3 - 4 lần so với hiện nay. Đến năm 2020 đạt sản lượng điện từ 200 đến 250 tỷ KWh.
- Thế mạnh của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong ngành (quy mô, trình độ kỹ thuật, lao động, uy tín, ...)
 - Công ty đã tạo được một thương hiệu tốt trong lĩnh vực cung cấp nguyên liệu cho ngành sản xuất cáp sau hơn một năm tham gia thị trường.
 - Đội ngũ CBCNV của công ty đã tiến bộ , trưởng thành và ổn định.

- Công ty đã cơ bản hoàn thành xây dựng cơ sở hạ tầng, mô hình quản lý bắt đầu hoạt động ổn định, đi vào hiệu quả, tạo cho CBCNV toàn Công ty một tinh thần mới, sức bật mới.
- Tiềm năng đầu tư xây dựng hạ tầng tại Việt nam còn rất lớn tạo cơ hội cho Trường Phú tham gia cung cấp sản phẩm cho các công trình xây dựng dân dụng điện lực và viễn thông.

7.2. Triển vọng phát triển của ngành

– Xu thế phát triển của ngành điện:

Dây và cáp điện là đầu vào của nhiều lĩnh vực như điện lực, liên lạc viễn thông, truyền dữ liệu, ô tô, mô tơ, máy biến áp... Không chỉ vậy, dây và cáp điện còn được sử dụng vào các lĩnh vực như: sản xuất ô tô và động cơ, sản xuất mô tơ và máy biến áp, liên lạc viễn thông và truyền dữ liệu v.v...

Những năm gần đây, ngành sản xuất dây và cáp điện Việt Nam đứng trước một cơ hội thị trường hết sức thuận lợi, tốc độ tăng trưởng doanh thu của các DN sản xuất dây và cáp điện có đầu tư trang thiết bị hiện đại, sản phẩm đạt tiêu chuẩn của IEC (Ủy ban Điện Quốc tế) đều ở mức tăng trưởng hàng năm trên 20%. XK cáp điện của Việt Nam liên tục tăng, nhờ sự khởi sắc của các thị trường chính là Nhật Bản chiếm 90% lượng hàng XK, kế đến là Trung Quốc, Đài Loan, Hàn Quốc và các nước trong khu vực như Lào, Campuchia, Thái Lan, Myanmar. Thị trường nội địa cũng phát triển đầy triển vọng, khả năng cung cấp của các DN sản xuất chỉ đạt 70% nhu cầu, khoản thiếu hụt còn lại được NK từ bên ngoài, chủ yếu là các sản phẩm dây và cáp điện có chất lượng cao.

Tuy nhiên, theo Hiệp Hội Năng lượng Việt Nam (VEA), thời gian qua, do sự biến động tăng giá của nguyên liệu đầu vào như đồng, nhôm, nhựa... trên thế giới, thị trường dây và cáp điện Việt Nam đã xuất hiện hàng nhái, hàng giả, hàng kém chất lượng.

Cùng với tốc độ phát triển của nền kinh tế, ngành sản xuất dây và cáp điện Việt Nam đã đầu tư trang thiết bị hiện đại, gia tăng năng lực sản xuất đáp ứng nhu cầu sử dụng dây và cáp điện phục vụ cho nhu cầu tiêu thụ trong nước và XK. Có thể khẳng định, ngành sản xuất dây và cáp điện tại Việt Nam đang trên đà phát triển.

- *Thị trường cáp viễn thông:* Phương hướng phát triển thông tin liên lạc của Việt Nam là đẩy nhanh tốc độ phát triển bưu chính viễn thông trên cơ sở công nghệ hiện đại: số hóa, cáp quang hóa, tự động hóa, tin học hóa, bằng kỹ số quang học với những công nghệ tiên tiến để có những dung lượng lớn, tốc độ cao. Xuất phát từ định hướng của Bộ Bưu chính – Viễn thông, nhu cầu sử dụng cáp thông tin hàng năm hiện nay khá lớn. Bên cạnh đó, tại một số

khu vực, mạng cáp đang xuống cấp nghiêm trọng, chưa được đầu tư sửa chữa, nâng cấp và đặt cáp mới.

Theo “Chiến lược phát triển công nghệ thông tin và truyền thông (CNTT-TT) Việt Nam đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020” do Thủ tướng Chính phủ ban hành, đến 2010, ngành công nghiệp CNTT & TT sẽ trở thành ngành công nghiệp mũi nhọn có tốc độ tăng trưởng 20-30%/năm, đạt tổng doanh thu khoảng 6-7 tỷ USD. Cơ sở hạ tầng viễn thông và Internet sử dụng công nghệ hiện đại, phát triển nhanh, đa dạng hóa, cung cấp cho người sử dụng các dịch vụ chất lượng cao với giá cước thấp hơn hoặc tương đương mức bình quân của các nước trong khu vực... Dự kiến mạng lưới thông tin cần một lượng cáp đồng khoảng 11,5 triệu km đôi dây/năm. Ngoài ra các dịch vụ giá trị gia tăng sử dụng cáp đồng thông tin này ngày càng nhiều như dịch vụ ADSL, truyền hình số, yêu cầu tất cả phải ngầm hóa hệ thống cáp treo đang làm mất mỹ quan đô thị; dùng điện thoại cố định giá rẻ v.v...

7.3. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới

- Đối với triển vọng phát triển của ngành, định hướng của Trường Phú là lấy sản xuất kinh doanh các loại dây cáp chất lượng cao làm trọng tâm, duy trì tăng trưởng vững chắc cả về lợi nhuận và thị phần hàng năm. Định hướng này hoàn toàn phù hợp với định hướng phát triển của ngành Bưu chính Viễn thông Việt Nam cũng như ngành điện Việt Nam trong thời kỳ tới. Bên cạnh đó, với chính sách của Nhà nước là phấn đấu đến năm 2020 Việt Nam sẽ trở thành một nước công nghiệp, để hoàn thành mục tiêu này thì chính sách về phát triển năng lượng quốc gia và hạ tầng Viễn thông phải được ưu tiên hàng đầu. Đây cũng là xu hướng chung của các nước đang phát triển khác trên thế giới.

8. CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

8.1.Số lượng người lao động trong công ty và cơ cấu lao động

Các VP và trụ sở	Thạc sĩ	Kỹ sư, cử nhân	CD, trung cấp	Công nhân	Lái xe	Bảo vệ
VP Đại Diện tại Hà Nội		14			02	01
NM tại Hải Dương	02	10	10	10	04	06

8.2.Chính sách đối với người lao động

8.2.1. Chính sách lương, thưởng

- Giới thiệu về hệ thống thang bảng lương của Công ty :
 - Thang bảng lương được phân theo cấp bậc trình độ học vấn, tay nghề, và chức năng nhiệm vụ của từng phòng ban..
 - Có hệ số thâm niên công tác: 1 năm tăng hệ số 1 lần
- Việc thực hiện chế độ đối với người lao động (bảo hiểm, y tế...): 100% nhân viên chính thức của Công ty đều được tham gia đóng BHXH, BHYT, BHTN trong đó Công ty chi trả 18% người lao động chi trả 7%
- Và các chính sách khuyến khích vật chất: Thưởng theo cấp bậc, năng suất sản phẩm, chất lượng công việc hoàn thành được giao.

8.2.2. Chính sách đào tạo

- Công tác đào tạo thường xuyên và đạo tạo bổ sung: Đào tạo bên ngoài và đào tạo nội bộ
- Các chính sách khuyến khích người lao động tự đào tạo: Kiểm tra trình độ chuyên môn, thi tay nghề theo định kỳ để khuyến khích người lao động tự nâng cao trình độ tay nghề và chuyên môn và làm căn cứ để nâng bậc lương.

8.2.3. Chính sách trợ cấp

Thực hiện theo bộ luật lao động hiện hành: phụ cấp làm thêm, ngoài giờ, làm đêm ngoài ra công ty còn thực hiện : phụ cấp trách nhiệm đối với từng vị trí quản lý đảm nhiệm, ăn ca, tiền nhà ở, đi lại,...

9. CHÍNH SÁCH CỔ TỨC*Đơn vị tính: đồng*

Chỉ tiêu	Năm 2007	Năm 2008
EPS (*)	2.628	11
Cổ tức bằng tiền	0	0
Tỷ lệ chi trả cổ tức bằng cổ phiếu	15%	0

Lưu ý: Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2008 của Công ty CP Trường Phú về nội dung tăng vốn như sau:

- Trả cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ 100:15, giá trị là: 12,6045 tỷ đồng
- Thưởng cổ phiếu từ nguồn Quỹ đầu tư phát triển, tỷ lệ 100:3,9 với giá trị là: 3,2905 tỷ đồng
- (*): Ngày 15/12/2008 là ngày chốt danh sách cổ đông trả cổ tức bằng cổ phiếu. Do đó, khi tính EPS, số lượng cổ phiếu đang lưu hành sẽ là: 8.410.500 CP

10. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**10.1. Các chỉ tiêu cơ bản*****Trích khấu hao tài sản cố định***

- Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, vô hình: TSCĐ được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng TSCĐ được ghi nhận theo giá hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.



- Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, vô hình: Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng và tuân thủ theo tỷ lệ khấu hao được xác định theo quy định tại Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ngày 12/12/2003 của Bộ Tài chính;
- Chính sách trích khấu hao tại doanh nghiệp:

Tài sản	Năm
Nhà cửa. vật kiến trúc	10- 15 năm
Máy móc. thiết bị	7- 10 năm
Phương tiện vận tải	5- 10 năm
Thiết bị. dụng cụ quản lý	01- 03 năm

Mức lương bình quân

Mức lương bình quân hàng tháng của người lao động trong Công ty năm 2007 là 3 triệu đồng/người/tháng, Năm 2008 là 3,8 triệu đồng/người/tháng..

vi tính: đồng

Nội dung	Năm 2006	Năm 2007
Tổng chi phí lương và thưởng	1.805.632.681	2.069.806.051
Các khoản khác trả cho người lao động		
Tổng cộng	1.805.632.681	2.069.806.051
Thu nhập bình quân/người/tháng	3.000.000	3.800.000

Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Công ty luôn thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản nợ và khoản vay, không có nợ quá hạn

Các khoản phải nộp theo luật định

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2007		31/12/2008	
	Phải nộp	Chưa nộp	Phải nộp	Chưa nộp
Thuế GTGT hàng bán nội địa				



Thuế GTGT hàng nhập khẩu			428.287.469	428.287.469
Thuế TTĐB				
Thuế thu nhập doanh nghiệp				
Thuế thu nhập cá nhân		2.985.000	16.485.000	16.485.000
Thuế nhà đất và tiền thuê đất				
Thuế xuất nhập khẩu				
Các loại thuế khác				
Tổng		2.985.000	444.772.469	444.772.469

Trích lập các quỹ theo luật định

Công ty trích lập và sử dụng các quỹ theo quy định áp dụng cho các doanh nghiệp là Công ty cổ phần và theo Điều lệ Công ty. Cụ thể như sau:

- ◆ Quỹ đầu tư và phát triển: được trích lập 20% lợi nhuận sau thuế
- ◆ Quỹ dự phòng tài chính: trích lập 5% từ lợi nhuận sau thuế của Công ty
- ◆ Quỹ khen thưởng – phúc lợi: được trích lập bằng 03 tháng lương bình quân năm

Tình hình trích lập các quỹ tại Công ty các năm 2007 – 2008

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	2007	2008
Quỹ đầu tư phát triển	6.604	3.327
Quỹ dự phòng tài chính	1.098	1.098
Quỹ khen thưởng phúc lợi	309	206

**Tổng dư nợ vay**

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2007		31/12/2008	
	Giá trị	% tổng dư nợ	Giá trị	% tổng dư nợ
Vay và nợ ngắn hạn	138.310	82%	108.242	50%
Vay và nợ dài hạn	24.628	15%	13.012	6%
Tổng dư nợ vay	162.938	96%	121.254	56%

Tình hình công nợ hiện nay**Các khoản phải thu**

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2007		31/12/2008	
	Nợ quá hạn	Tổng số	Nợ quá hạn	Tổng số
Phải thu khách hàng		127.861		98.543
Trả trước cho người bán		12.073		21.626
Phải thu khác				2.360
Tổng các khoản phải thu ngắn hạn		139.934		122.530
Dự phòng phải thu khó đòi				

Các khoản phải trả

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2007		31/12/2008	
	Nợ quá hạn	Tổng số	Nợ quá hạn	Tổng số
Phải trả cho người bán		4.876		86.549
Người mua trả tiền trước				7.294
Phải trả công nhân viên		135		185
Thuế và các khoản phải nộp NN		2		444
Chi phí phải trả		906		139
Các khoản phải trả phải nộp khác		238		



Năm 2008, khoản nợ phải trả của Công ty tăng đột biến do lượng hàng tồn kho trong năm nhập về không giải phóng được trước sự biến động của giá nguyên liệu đầu vào và tình hình kinh tế trong và ngoài nước nói chung. Doanh thu trong năm của Công ty vì thế giảm đáng kể (61%) dẫn đến Phải trả người bán chậm lại (Phải trả người bán tăng gấp hơn 17 lần so với năm 2007)

10.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Tài sản	Năm 2007	Năm 2008
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn TSLĐ / Nợ ngắn hạn	1,25	1,06
+ Hệ số thanh toán nhanh (TSLĐ – Hàng tồn kho)/ Nợ ngắn hạn	1,01	0,72
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
+ Hệ số Nợ/ Tổng tài sản	0,62	0,67
+ Hệ số Nợ/ Vốn chủ sở hữu	1,62	2,06
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		
+ Vòng quay hàng tồn kho (ngày) $365/(\text{Giá vốn hàng bán} / \text{Hàng tồn kho bình quân})$	-	54,31
+ Doanh thu thuần / Tổng tài sản	3,31	1,11
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (%)	2,44%	0,03%
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (%)	21,18%	0,11%
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	8,08%	0,04%
+ Hệ số lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần	2,44%	-6,32%

11. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, BAN GIÁM ĐỐC

11.1. Danh sách thành viên Hội đồng quản trị

**Chủ tịch HĐQT – Ông Đỗ Văn Trắc**

ÔNG:	ĐỖ VĂN TRẮC
<i>Giới tính:</i>	Nam
<i>Ngày tháng năm sinh:</i>	12/06/1953
<i>Số CMTND:</i>	023424568
<i>Quốc tịch:</i>	Việt Nam
<i>Dân tộc:</i>	Kinh
<i>Quê quán:</i>	Thái Bình
<i>Địa chỉ thường trú:</i>	Số 32 Huỳnh Tịnh Của, phường 8, quận 3, TP Hồ Chí Minh Hiện đang sống tại 14 Biệt thự Chu Văn An, F 26, Bình Thạnh, HCM
<i>Số ĐT liên lạc ở cơ quan:</i>	08 -35122930,
<i>Trình độ văn hóa:</i>	10/10
<i>Trình độ chuyên môn:</i>	Kỹ sư Kinh tế công nghiệp
<i>Quá trình công tác:</i>	<ul style="list-style-type: none">▪ Trước năm 1988: Kế toán trưởng Công ty Công trình Bưu điện 2.▪ Từ 1988 – 1993: Kế toán trưởng Công ty Liên doanh VTC.▪ Từ 1993 – 1994: Kế toán trưởng Nhà máy Cấp và Vật liệu Viễn thông.▪ Từ 1995 – 1998: Phó Giám đốc Nhà máy Cấp và Vật liệu Viễn thông.▪ Năm 1999: Giám đốc, Phó Chủ tịch HĐQT CTCP SACOM.▪ Từ 2000 – 2004: Tổng Giám đốc CTCP SACOM.▪ Từ 2005 – nay: Tổng Giám đốc kiêm Chủ tịch HĐQT CTCP SACOM, Chủ tịch HĐQT CTCP Trường Phú.
<i>Chức vụ hiện tại:</i>	Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Trường Phú
<i>Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:</i>	Tổng Giám đốc kiêm Chủ tịch HĐQT CTCP SACOM.
<i>Số cổ phần nắm giữ:</i>	1.938.070

<i>Hành vi vi phạm pháp luật:</i>	Không
<i>Các khoản nợ đối với Công ty:</i>	Không
<i>Lợi ích liên quan đối với Công ty:</i>	Lương, thưởng và phụ cấp theo quy định của Công ty
<i>Những người có liên quan:</i>	<ul style="list-style-type: none">▪ Vợ - Trần Thị Kim Anh sở hữu 318.652 cổ phần▪ Con - Đỗ Thanh Bình sở hữu 2.378 cổ phần▪ Con - Đỗ Thị Thuỳ Trang sở hữu 356.700 cổ phần

Thành viên HĐQT: Ông Lê Thanh Sơn

ÔNG:	LÊ THANH SƠN
<i>Giới tính:</i>	Nam
<i>Ngày tháng năm sinh:</i>	11/12/1964
<i>Số CMTND:</i>	011077454
<i>Quốc tịch:</i>	Việt Nam
<i>Dân tộc:</i>	Kinh
<i>Quê quán:</i>	Hà Nội
<i>Địa chỉ thường trú:</i>	Số 123, ngõ 164, phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội
<i>Số ĐT liên lạc ở cơ quan:</i>	04 39878254
<i>Trình độ văn hóa:</i>	10/10
<i>Trình độ chuyên môn:</i>	Kỹ sư công nghiệp chế tạo máy
<i>Quá trình công tác:</i>	1988-1990: Nghiên cứu tại Đại học kỹ thuật CH Séc, Praha. 1990 -1995: Công tác trong lĩnh vực ô tô – xe máy. 1995 – nay: Công tác trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh dây và cáp.
<i>Chức vụ công tác hiện nay:</i>	Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Trường Phú
<i>Số cổ phần nắm giữ:</i>	1.951.307
<i>Hành vi vi phạm pháp luật:</i>	Không
<i>Các khoản nợ đối với Công ty:</i>	Không
<i>Lợi ích liên quan đối với Công ty:</i>	Lương, thưởng và phụ cấp theo quy định của Công ty



Quê quán: Hà Nội

Địa chỉ thường trú: 306 A9, Khương Thượng, Đống Đa, Hà Nội.

Số ĐT liên lạc ở cơ quan: 0903415022

Trình độ văn hóa: 10/10

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ khí

Quá trình công tác: 1994 – 1995: Công tác tại Công ty CP XD Thanh Niên Hà Nội.
1995 – nay: Công tác tại Công ty CPXD Số 1 Hồ Chí Minh.

Chức vụ công tác hiện nay: Giám đốc chi nhánh Cty CP XD Số 1 Hồ Chí Minh (Cofico).

Số cổ phần nắm giữ: 11.890

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Lương, thưởng và phụ cấp theo quy định của Công ty

Những người có liên quan:

ÔNG: **NGÔ ĐỨC THAO**

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 06/05/1971

Số CMTND: 022442876

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Hồ Chí Minh

Địa chỉ thường trú: Số 22/11 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh.

Số ĐT liên lạc ở cơ quan: 0913804315

Trình độ văn hóa: 10/10

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ kinh tế kỹ thuật

Quá trình công tác: 1995 – nay: Giám đốc Công ty Gia Thịnh Phú

Chức vụ công tác hiện nay: Giám đốc Công ty Gia Thịnh Phú



<i>Số cổ phần nắm giữ:</i>	196.185
<i>Hành vi vi phạm pháp luật:</i>	Không
<i>Các khoản nợ đối với Công ty:</i>	Không
<i>Lợi ích liên quan đối với Công ty:</i>	Lương, thưởng và phụ cấp theo quy định của Công ty
<i>Những người có liên quan:</i>	

11.2. Ban Kiểm Soát**Trưởng ban kiểm soát: Ông Lê Ngọc Sỹ**

ÔNG:	LÊ NGỌC SỸ
<i>Giới tính:</i>	Nam
<i>Ngày tháng năm sinh:</i>	19/09/1949
<i>Số CMTND:</i>	010425817
<i>Quốc tịch:</i>	Việt Nam
<i>Dân tộc:</i>	Kinh
<i>Quê quán:</i>	Nghệ An
<i>Địa chỉ thường trú:</i>	Số 29B Tổ 17, Phường Hoàng Văn Thụ, Hoàng Mai, Hà Nội
<i>Số ĐT liên lạc ở cơ quan:</i>	0913216087
<i>Trình độ văn hóa:</i>	10/10
<i>Trình độ chuyên môn:</i>	Chuyên viên cao cấp - Trưởng ban Kiểm toán nội Tập đoàn Bưu chính viễn thông Việt Nam
<i>Quá trình công tác:</i>	Từ năm 1976 – nay: Công tác Quản lý Tài chính kế toán kiểm toán Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam
<i>Chức vụ công tác hiện nay:</i>	Trưởng ban kiểm toán nội bộ - Tập đoàn Bưu Chính Viễn Thông Việt Nam
<i>Số cổ phần nắm giữ:</i>	11.890
<i>Hành vi vi phạm pháp luật:</i>	Không
<i>Các khoản nợ đối với Công ty:</i>	Không
<i>Lợi ích liên quan đối với Công ty:</i>	Lương, thưởng và phụ cấp theo quy định của Công ty
<i>Những người có liên quan:</i>	



Thành viên ban kiểm soát: Bà Nguyễn Bích Ngọc

BÀ: NGUYỄN BÍCH NGỌC

Giới tính: Nữ

Ngày tháng năm sinh: 28/05/1955

Số CMTND: 012541508

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Hà Nội

Địa chỉ thường trú: Số 40 Phố Linh Lang, Phường Văn Chương, Quận Đống Đa, Tp Hà Nội

Số ĐT liên lạc ở cơ quan: 0913025586

Trình độ văn hóa: 10/10

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư thủy sản

Quá trình công tác: 1979 – 1985: Giáo viên giảng dạy tại Trường Cao Đẳng Thủy Sản - Từ Sơn, Bắc Ninh.
1985 – 2007: Công ty Dịch vụ nuôi trồng Thủy Sản.

Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên Ban kiểm soát Công ty CP Trường Phú

Số cổ phần nắm giữ: 178.350

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Lương, thưởng và phụ cấp theo quy định của Công ty

Những người có liên quan:

Thành viên Ban Kiểm soát: Ông Nguyễn Hữu Thọ

ÔNG NGUYỄN HỮU THỌ

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 21/07/1956



<i>Số CMTND:</i>	135004120
<i>Quốc tịch:</i>	Việt Nam
<i>Dân tộc:</i>	Kinh
<i>Quê quán:</i>	Vĩnh Phúc
<i>Địa chỉ thường trú:</i>	Thị xã Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc
<i>Số ĐT liên lạc ở cơ quan:</i>	0963284595
<i>Trình độ văn hóa:</i>	10/10
<i>Trình độ chuyên môn:</i>	- Kỹ sư hệ thống điện - Thạc sỹ QTKD
<i>Quá trình công tác:</i>	1976 – 1988: Công nhân nhà máy điện Thái Nguyên. 1989 – 1997: Kỹ thuật viên chi nhánh điện Mê Linh-Vĩnh Phúc. 1998 – 2001: Trường CNĐ Tam Đảo Điện lực Vĩnh Phúc. 2002 – 2005: Phó Giám đốc điện lực Vĩnh Phúc. 2006 – nay: Giám đốc điện lực Vĩnh Phúc.
<i>Chức vụ công tác hiện nay:</i>	Giám đốc Điện lực Vĩnh Phúc
<i>Số cổ phần nắm giữ:</i>	15.457
<i>Hành vi vi phạm pháp luật:</i>	Không
<i>Các khoản nợ đối với Công ty:</i>	Không
<i>Lợi ích liên quan đối với Công ty:</i>	Lương, thưởng và phụ cấp theo quy định của Công ty
<i>Những người có liên quan:</i>	

11.3. Danh sách Ban Giám đốc

Tổng Giám Đốc: Lê Thanh Sơn (*xem giới thiệu ở trên*)

Kế toán trưởng: Bà Nguyễn Thị Phương Lan

BÀ:	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG LAN
<i>Giới tính:</i>	Nữ
<i>Ngày tháng năm sinh:</i>	07/05/1973
<i>Số CMTND:</i>	012754314
<i>Quốc tịch:</i>	Việt Nam



Dân tộc: Kinh

Quê quán: Hà Nội

Địa chỉ thường trú: D4- TT Dệt 8/3 Quỳnh Mai, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Số ĐT liên lạc ở cơ quan: 04 39878266

Trình độ văn hóa: 10/10

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

- Năm 1999-2003: Kế toán TT khí tượng thủy văn Quốc gia
- 2004- 2005: Kế toán trưởng Cty thép Việt Khá
- 2006- nay: Kế toán trưởng Cty CP Trường Phú

Chức vụ công tác hiện nay: Kế toán trưởng Công ty CP Trường Phú

Số cổ phần nắm giữ: 23.780

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Lương, thưởng và phụ cấp theo quy định của Công ty

Những người có liên quan:

**12. TÀI SẢN****12.1. Tài sản****Bảng giá trị tài sản tính đến ngày 31/12/2008***Đơn vị tính: triệu đồng*

Khoản mục	Nguyên giá	Khấu hao lũy kế	Giá trị còn lại
TSCĐ Hữu hình	102.486	14.819	87.667
Nhà cửa vật kiến trúc	17.544	1.542	16.001
Máy móc thiết bị	82.239	12.74	69.498
Phương tiện vận tải	2.567	482	2.085
Thiết bị văn phòng	135	53	82
TSCĐ Vô hình	5.739	370	5.369
Phần mềm vi tính	16,5	5,1	11
Quyền sử dụng đất	5.723	365	5.357

12.2. Đất đai, nhà xưởng**Bảng tài sản đất đai nhà xưởng đến ngày 31/12/2008**

TT	Địa chỉ	Diện tích/Quy mô	Mục đích sử dụng	Tình trạng sở hữu
	Lô A2, KCN Phúc Điền, Cẩm Phúc, Cẩm Giàng, Hải Dương	20.000 m ²	Nhà xưởng	

13. KẾ HOẠCH LỢI NHUẬN VÀ CỔ TỨC CÁC NĂM TIẾP THEO**13.1. Bảng kế hoạch doanh thu-lợi nhuận trong các năm tới:***Đơn vị: triệu đồng*

Chỉ tiêu	Năm 2008	Năm 2009	
		Giá trị	Tăng/giảm so với 2008
Doanh thu	356.571	450.000	26%
Lợi nhuận sau thuế	112	9.500	8.382%
Tỷ lệ LN sau thuế/ Doanh thu (%)		2	
Vốn điều lệ	100.000	100.000	0%



Chỉ tiêu	Năm 2008	Năm 2009	
		Giá trị	Tăng/giảm so với 2008
LNST/VĐL bình quân (%)	0	9,5	N/a
Cổ tức (%)	0	6,5	N/a

Nguồn: Báo cáo tổng kết hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2008 và kế hoạch sản xuất kinh doanh 2009-2010

14. THÔNG TIN VỀ NHỮNG CAM KẾT NHƯNG CHƯA THỰC HIỆN CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

14.1. Trái phiếu chuyển đổi (không có)

14.2. Hợp đồng thuê đất

TT	Tên hợp đồng	Giá trị hợp đồng	Thời hạn hợp đồng	Đối tượng	Mức phí thuê	Phương thức thanh toán	Ghi chú
1.	02/HĐTĐ- PD	360.000USD	15/09/2052		18USD/m ²	Đã thanh toán hết	

15. CÁC THÔNG TIN, CÁC TRANH CHẤP KIẾN TỤNG LIÊN QUAN TỚI CÔNG TY MÀ CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN GIÁ CẢ CHỨNG KHOÁN CHÀO BÁN (Không có)

PHẦN V. CHỨNG KHOÁN ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

1. Loại chứng khoán : Phổ thông
2. Mệnh giá : 10.000 đồng
3. Tổng số chứng khoán ĐKGD : 10.000.000 CP
4. Phương pháp tính giá : Theo phương pháp Giá cổ phiếu/ Giá trị sổ sách (P/BV)

Giá trị sổ sách của cổ phiếu Trường Phú được xác định như sau:

- (1) Vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2008 = 104.495.995.274 đồng (1)
- (2) Số lượng cổ phiếu đang lưu hành = 10.000.000 (2)
- (3) Giá trị sổ sách = (1) / (2) = **10.500 đồng**

Tên Công ty	Thép Việt Hàn (VHG)	Sacom (SAM)	Cáp Sài Gòn (CSG)
Giá giao dịch hiện tại (11/6/2009): P	15,600	37,100.00	19,000.00
Giá trị sổ sách (BV)	17,572	33,771.00	16,957.00
Giá/Giá trị sổ sách (P/BV)	0.89	1.10	1.12
P/BV bình quân = 1.04			

Do đó, giá của cổ phiếu Trường Phú được xác định = (3) x P/BV bình quân

$$= 10.500 \times 1.04$$

$$= \mathbf{10.920 \text{ đồng/CP}}$$

5. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài:

Sau khi cổ phiếu của Trường Phú chính thức được giao dịch theo quy chế của sàn UpCOM, tỷ lệ nắm giữ của người nước ngoài tuân theo quy định tại Quyết định số 238/2005/QĐ-TTg ngày 29/9/2005 của Thủ tướng Chính phủ về tỷ lệ tham gia của bên nước ngoài vào thị trường chứng khoán Việt Nam và các văn bản luật khác có liên quan. Qua đó, tổ chức, cá nhân nước ngoài mua, bán cổ phiếu trên thị trường chứng khoán Việt Nam được nắm giữ tối đa 49% tổng số cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch của một tổ chức niêm yết. Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty không giới hạn tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu của Công ty đối với người nước ngoài.

6. Các loại thuế có liên quan:

- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 3 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp trong 5 năm tiếp theo cho phần thu nhập tăng thêm do đầu tư mang lại theo Giấy chứng nhận Đầu tư số 04201000065 chứng nhận lần đầu ngày 29/5/2007 của Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Hải Dương.
- Thuế GTGT bán hàng xuất khẩu: 0%
- Thuế GTGT bán hàng trong nước: 5%



PHẦN VI - CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

1. TỔ CHỨC CAM KẾT HỖ TRỢ

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC)

Website : www.bsc.com.vn

Email : service@bsc.com.vn

Trụ sở : Tầng 10, toà nhà VINCOM A, 191 Bà Triệu, Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 2200 668

Fax : (84-4) 2200 669

Chi nhánh BSC tại Tp. Hồ Chí Minh

Địa chỉ : Lầu 9 – 146 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84-8) 9142 956

Fax : (84-8) 8218 510

2. TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn tài chính kế toán và kiểm toán phía Nam (AASCS)

Trụ sở : 29 Võ Thị Sáu, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84-8).38205 944

Fax : (84-8).38205 942



PHẦN VII – PHỤ LỤC

1. Phụ lục 1: Bản sao hợp lệ giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.
2. Phụ lục 2: Điều lệ công ty.
3. Phụ lục 3: Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2007 2008, Báo cáo tài chính quý 1/2009.
4. Phụ lục 4: Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.
5. Phụ lục 5: Nghị quyết Hội đồng quản trị công ty thông qua hồ sơ.
6. Phụ lục 6: Hồ sơ khác:
 - Hợp đồng tư vấn
 - Hợp đồng cam kết hỗ trợ

CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG PHÚ

Chủ tịch HĐQT

Đỗ Văn Trắc

Tổng Giám đốc

Trưởng ban kiểm soát

Kế toán trưởng

Lê Thanh Sơn

Lê Ngọc Sỹ

Nguyễn Thị Phương Lan